

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Căn cứ Quyết định số 4929/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018, Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ, phê duyệt Điều chỉnh bổ sung nhiệm vụ lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3220/SXD-QH ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030 (kèm theo Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2021 của UBND huyện Hoằng Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung:

Phạm vi lập Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Bút Sơn (trước đây là xã Hoàng Phúc, Hoàng Vinh và thị trấn Bút Sơn) và xã Hoàng Đức (trước đây là xã Hoàng Minh và xã Hoàng Đức). Với tổng diện tích 1.520 ha, trong đó xã Hoàng Đức có diện tích 748 ha, thị trấn Bút Sơn có diện tích 772 ha (theo Nghị Quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: Sông Lạch Trường các xã Hoàng Xuyên, Hoàng Cát, Hoàng Đạt;

- Phía Nam giáp: xã Hoàng Đồng;

- Phía Đông giáp: xã Hoàng Đạo;

- Phía Tây giáp: thành phố Thanh Hóa.

2. Tính chất, chức năng đô thị

- Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật của huyện Hoàng Hóa.

- Là đô thị vệ tinh của thành phố Thanh Hóa, thu hút nguồn lực phát triển dịch vụ, thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với loại hình vừa và nhỏ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Quy mô dân số và đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng khoảng 18.685 người;

- Dự báo dân số đô thị đến năm 2025 khoảng 38.000 người; đến năm 2030 khoảng: 57.500 người.

- Quy mô đất đai: Tổng diện tích quy hoạch: 1.520 ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu và hướng phát triển đô thị

4.1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

a) Chỉ tiêu đất đai:

- Đất dân dụng: 118,6 m²/người, trong đó:

+ Đất đơn vị ở: 78 m²/người;

- + Đất công trình công cộng đơn vị ở: 9,5 m² /người;
- + Đất cây xanh: 6,0 m² /người.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông đô thị: Mật độ chiếm 15,3% đất xây dựng đô thị;
- Điện năng: 1.300 KWh/người/năm;
- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/người/ngày.đêm;
- Thoát nước: Thoát nước mưa và nước thải riêng biệt;
- Rác thải: Thu gom xử lý 100%.

4.2. Hướng phát triển đô thị:

- Hướng phát triển đô thị: Thị trấn Bút Sơn chủ yếu được phát triển về phía Tây nhằm khai thác tối đa khu vực cửa ngõ phía Bắc thành phố Thanh Hóa, tạo sự liên kết chặt chẽ với thành phố Thanh Hóa và các đô thị lân cận. Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu vực hiện hữu nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của dân cư cũng như tiêu chí của đô thị loại IV.

- Cấu trúc đô thị: Không gian đô thị hiện có và khu vực đô thị mới phát triển về phía Tây của thị trấn được hình thành trên cơ sở khung hạ tầng kỹ thuật được khống chế bởi các trục Quốc lộ 1A (QL1A), đường Tỉnh 510, Quốc lộ 10 (QL10), và đê sông Lạch Trường, hình thành các khu vực trọng điểm và khu chức năng như sau:

- Khu trung tâm Hành chính – Chính trị huyện và thị trấn trên vị trí hiện nay.

- Khu dân cư nội thị: trung tâm thị trấn, xã Hoằng Đức hiện nay.

- Khu vực dự kiến phát triển đô thị mới: tập trung phát triển về phía Tây, gần với tuyến đường kết nối Bắc Nam và Đông Tây; với trung tâm là Công viên – Thể dục thể thao (TDTT) – Quảng Trường trên trục quy hoạch Bắc - Nam mới.

- Khu trung tâm Dịch vụ - Thương mại (DV-TM), hỗn hợp, xác định trên các nút giao của các trục giao thông lớn: QL1A, QL10, trục kết nối Bắc – Nam quy hoạch; Trục từ cầu Bút Sơn đến Hoằng Vinh.

5. Định hướng tổ chức không gian đô thị

a) Khu vực trung tâm hành chính hiện hữu cải tạo chỉnh trang:

- Ổn định trung tâm hành chính chính trị của huyện và các công trình cơ quan trên vị trí hiện nay.

- Chuyển đổi chức năng đất công sở các xã sau khi sát nhập vào thị trấn thành đất công cộng, phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng của đô thị.

b) Khu đô thị mới phía Tây:

- Trung tâm mới của đô thị: Trung tâm văn hóa, TDTT, công viên, quảng trường; Trung tâm Dịch vụ thương mại hỗn hợp của vùng. Một số chức năng công cộng của đô thị là yếu tố tạo thị.

- Chuyển chợ Bút Sơn - chợ đầu mối, bến xe thị trấn về phía Bắc khu đô thị mới trên trục cầu Bút Sơn đến đường đi Hải Tiến gắn kết với khu đô thị mới. Quỹ đất Chợ hiện tại sẽ được đầu tư thành Trung tâm Thương mại – Dịch vụ với hình thức kiến trúc hiện đại, cao tầng, tạo điểm nhấn cho đô thị.

- Phát triển dân cư đô thị mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

c) Khu vực phía Tây và dọc QL1A:

Khu vực này tuân thủ quy hoạch phân khu Tiểu dự án 2 (TDA2) xác định là dịch vụ thương mại, hỗn hợp, dân cư hiện trạng và đất phát triển.

d) Khu vực phía Nam QL10 (đi Hải Tiến): Các khu dân cư hiện hữu, được cải tạo hệ thống kỹ thuật (giao thông, điện nước,...) hệ thống xã hội (trung tâm nhóm ở, sinh hoạt cộng đồng,...) xác định loại hình ở dạng nhà vườn, mật độ thấp.

e) Khu vực sản xuất nông nghiệp

- Vùng sản xuất nông nghiệp chủ yếu phía Đông Bắc và các khu đất xen trong các khu dân cư hiện hữu được tổ chức loại hình nông nghiệp công nghệ cao.

- Khu sinh thái phía Bắc: Khu sinh thái bên bờ sông Lạch Trường. Là khu cây xanh cảnh quan bên sông. Khu vực này bố trí xây dựng 01 bến thuyền phục vụ du lịch sinh thái đường thủy nội địa.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích toàn khu 1.520 ha, trong đó:

- Đất xây dựng đô thị: 1226,06 ha, trong đó:

- + Đất dân dụng hiện trạng: 380,64 ha;

- + Đất dân dụng quy hoạch mới: 301,42 ha;

- + Đất ngoài dân dụng: 544 ha;

- Đất khác: 293,94 ha.

6.1. Các chỉ tiêu và cơ cấu sử dụng đất

Bảng Quy hoạch sử dụng đất

TT	TÊN LÔ ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	MĐXD (%)	TẦNG CAO	HỆ SỐ SĐĐ
	TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH		1520.00			
A.	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ		1226.06			
I.	Đất dân dụng hiện trạng		380.64			
1.1	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo		277.74			
1.2	Đất công cộng hiện trạng đô thị		17.44			
1.3	Đất giao thông		85.46			
II.	Đất dân dụng mới		301.42			
2.1	Đất đơn vị ở		172.35			
2.1.1	Đất đơn vị ở mới	PT	155.04	80	3-5	4.0
2.1.2	Đất tái định cư	TĐC	17.31	80	3-5	4.0
2.2	Đất công cộng đô thị		36.99			
2.2.1	Trung tâm thể dục thể thao	TDDT	3.89	15	1	0.15
2.2.2	Đất trung tâm văn hóa	TTVH	2.22	40	3-5	2.0
2.2.3	Đất y tế	YT	3.88	40	3-5	2.0
2.2.4	Đất giáo dục	GD	6.69	40	1-2	2.0
2.2.5	Đất thương mại		10.16			
-	Đất xây dựng chợ	CH	0.61	40	3-5	3.6
-	Đất TT thương mại	DVTM	9.55	40	2-12	4.8
2.2.6	Đất dịch vụ công cộng	CC	10.15	40	3-5	2.0
2.3	Đất cây xanh đô thị	CX	31.01			
2.4	Đất hạ tầng kỹ thuật		61.07			
2.4.1	Bãi đỗ xe trong khu dân dụng	P	6.72			
2.4.2	Đất giao thông		54.35			
III.	Đất ngoài dân dụng		544.0			
3.1	Đất di tích	DT	2.98			
3.2	Đất hỗn hợp	HH	58.02	70	5-7	7.7
3.3	Đất dịch vụ công cộng		69.40			
3.3.1	Đất thương mại	DVTM	48.81	40	2-7	2.8
3.3.2	Đất chợ huyện	CH	2.33	50	3-5	3.5
3.3.3	Đất công cộng		12.61	15-40	1-5	2.0
3.3.4	Bệnh viện huyện	YT04	2.51	40	5-9	3.6
3.3.5	THPT Lương Đắc Bằng	GD-13	3.14	40	3-5	2.0
4	Đất cơ quan		12.73	40-60	2-5	3.0
5	Đất cây xanh		229.07			
5.1	Cây xanh chuyên dụng		17.24			
5.2	Cây xanh công viên		44.10			
5.3	Cây xanh cảnh quan		168.92			
6	Đất giao thông		128.12			
6.1	Đất giao thông đô thị		113.77			
6.2	Đất giao thông đối ngoại		14.35			
7	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối		43.68			
B.	Đất khác		293.94			
1	đất nông nghiệp		246.09			
2	đất sông suối, mặt nước		47.85			

Bảng cơ cấu sử dụng đất các giai đoạn

TT	TÊN LÔ ĐẤT	ĐẾN 2025 (38.815 NGƯỜI)		ĐẾN 2030 (57.500 NGƯỜI)	
	TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH	1520.0		1520.00	
A.	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	1014.69	100.00	1226.06	100.00
I.	Đất dân dụng hiện trạng	380.64		380.64	
1.1	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo	277.74		277.74	
1.2	Đất công cộng HT đô thị	17.44		17.44	
1.3	Đất giao thông	85.46		85.46	
II.	Đất dân dụng mới	205.50	20.25	301.42	24.58
2.1	Đất đơn vị ở	106.25	10.47	172.35	14.06
2.2	Đất công cộng đô thị	24.88	2.45	36.99	3.02
2.3	Đất cây xanh đô thị	15.72	1.55	31.01	2.53
2.4	Đất hạ tầng kỹ thuật	58.65	5.78	61.07	4.98
III.	Đất ngoài dân dụng	428.55	42.23	544.00	44.37
3.1	Đất di tích	2.98		2.98	
3.2	Đất hỗn hợp	32.66	3.22	58.02	4.73
3.3	Đất dịch vụ công cộng	48.68	4.80	69.40	5.66
3.4	Đất cơ quan	12.23	1.21	12.73	1.04
3.5	Đất cây xanh	203.01	20.01	229.07	18.68
3.6	Đất giao thông	93.99	9.26	128.12	10.45
3.6.1	Đất giao thông đô thị	79.64		113.77	
3.6.2	Đất giao thông đối ngoại	14.35		14.35	
3.7	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	35.00	3.45	43.68	3.56
B.	Đất khác	505.311		293.94	
1	Đất nông nghiệp	457.46		246.09	
2	Đất sông suối, mặt nước	47.85		47.85	

* Các chỉ tiêu chính đạt được của đồ án:

- Đất dân dụng quy hoạch mới: 301.42 ha, đạt chỉ tiêu 77,7 m²/người.
- Đất đơn vị ở phát triển mới: 172,35 ha, đạt chỉ tiêu 45 m²/người.
- Đất công cộng đô thị: 54,44 ha; đạt chỉ tiêu 9,5 m²/người (54,44 ha/57.500 người). Trong đó: Đất công cộng mới: 36,99 ha (36,99 ha/38.815 người), đạt chỉ tiêu 9,5 m²/người (dân số tăng thêm 38.815 người).
- Đất cây xanh đô thị: 31,01 ha, đạt chỉ tiêu 5,4 m²/người (31,01 ha/57.500 người).

6.2. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

6.2.1. Đất xây dựng đô thị: Tổng diện tích: 1226,06 ha. Bao gồm:

6.2.1.1. Đất dân dụng quy hoạch mới: 301,42 ha; đất dân dụng hiện trạng cải tạo 380.64 ha. Trong đó: Đất đơn vị ở mới có diện tích 172,35 ha; đất dân cư hiện trạng cải tạo diện tích 277,74ha; cụ thể như sau:

a. Đất đơn vị ở: Quy hoạch được chia thành 03 đơn vị ở:

- Đơn vị ở số 01: vị trí phía Tây Bắc đô thị (bao gồm khu vực xã Hoàng Minh cũ và khu đô thị mới) quy mô đất đai khoảng 577,15ha; Dân số khoảng 15.000 người.

- Đơn vị ở số 02: vị trí phía Đông Bắc đô thị, (bao gồm khu vực xã Hoàng Đức và một phần phía Bắc thị trấn Bút Sơn và khu đô thị mới) quy mô đất đai khoảng 529,01 ha; Dân số khoảng 15.000 người.

- Đơn vị ở số 03: vị trí phía Nam đô thị, (bao gồm khu vực xã Hoàng Vinh cũ và một phần phía Nam thị trấn Bút Sơn và khu đô thị mới) quy mô đất đai khoảng 433,84 ha; Dân số khoảng 27.000 người.

- Dân cư phát triển mới: Diện tích đất khu vực phát triển dân cư mới: 155,04 ha, hình thành một số khu dân cư mới đáp ứng cho yêu cầu phát triển của đô thị với mô hình nhà biệt thự, nhà liền kề, nhà thương mại, ở kết hợp dịch vụ, kinh doanh nhằm tăng chiều dày cho đô thị đồng thời tạo cho đô thị có không gian hợp lý, môi trường trong lành, bền vững. Các khu dân cư dự kiến phát triển chủ yếu về phía Tây đô thị .

- Đất tái định cư: sẽ được dành quỹ đất, khi thực hiện đầu tư xây dựng các tuyến đường mới, và mở rộng các tuyến đường hiện có,... diện tích: 17,31 ha.

b. Đất dịch vụ công cộng đô thị: Tổng diện tích: 54,43 ha, bao gồm: Đất công cộng mới: 36,99 ha, đất hiện có cải tạo 17,44 ha.

- Đất thể dục thể thao (TDTT): Được bố trí trên khu đất có ký hiệu TDTT-02 cho mục đích xây dựng sân thể cơ bản của đô thị; Tổng diện tích: 3,89 ha;

- Đất trung tâm văn hóa thể thao (TTVH): Được bố trí trên khu đất có ký hiệu TTVH-02; Tổng diện tích: 2,22 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 3-5 tầng, hệ số sử dụng đất: 2,0 lần. Là khu vực xây dựng các hạng mục: Nhà văn hóa cấp huyện, thư viện, nhà truyền thống..

- Đất công trình y tế: Là khu vực trung tâm y tế của đô thị, được bố trí trên khu đất có ký hiệu YT-01 đến YT-03 và YT-05; Tổng diện tích: 4,63 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 1-3 tầng, hệ số sử dụng đất: 1,2 lần.

- Đất giáo dục (GD):

+ Được bố trí trên khu đất có ký hiệu GD-01 đến GD-14 cho mục đích xây dựng hệ thống trường học của đô thị; Tổng diện tích: 17,41 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 1-5 tầng, hệ số sử dụng đất: 0,4-2,0 lần. Trong đó bố trí khu vực xây dựng trường liên cấp và Trung học phổ thông (THPT) trên khu đất GD-04, GD-06, GD-07 có tổng diện tích 8,3 ha.

+ Hệ thống giáo dục các cấp (Trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; Xây mới tại các khu dân cư tập trung, khu đô thị mới đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

- Đất công trình dịch vụ thương mại, chợ đô thị: Bao gồm chợ và các trung tâm thương mại đô thị. Tổng diện tích chợ: 11,7 ha

+ Chợ đô thị được bố trí trên khu đất có ký hiệu CH-02, CH-03, CH-04; tại các trung tâm khu ở. Tổng diện tích chợ: 1,89 ha, mật độ xây dựng 40-50%, tầng cao từ 2-5 tầng, hệ số sử dụng đất: từ 2,0-2,5 lần.

+ Công trình dịch vụ thương mại đô thị được bố trí trên khu đất có ký hiệu DVTM-04, DVTM-05, DVTM-06, DVTM-10, DVTM-10a và từ DVTM-14 đến DVTM-17; Tổng diện tích: 9,81 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 3-12 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa: 4,8 lần.

- Đất dịch vụ công cộng đô thị: được bố trí trên các lô đất có ký hiệu CC-01 đến CC-16, tại các vị trí trung tâm đô thị, trung tâm khu ở, đảm bảo bán kính phục vụ theo Quy chuẩn. Tổng diện tích: 14,58 ha

c. Đất cây xanh trong khu dân dụng: Diện tích cây xanh đô thị: 31,01 ha.

- Bố trí hệ thống công viên xây xanh đô thị tại các khu vực lõi đô thị, tiếp giáp các khu chức năng đô thị như trung tâm văn hóa, thương mại, đất công cộng. Tận dụng tối đa các yếu tố cây xanh, mặt nước đã có trong đô thị, như sân vận động, các trục giao thông cảnh quan, hồ điều hòa

- Ở mỗi đơn vị ở, và các tiểu khu, bố trí một khu cây xanh công viên, khu sinh hoạt văn hoá và vui chơi thể thao cho người dân đô thị.

d. Đất giao thông, tầng kỹ thuật đô thị: 136,99 ha gồm đất giao thông hiện có cải tạo 85,45 ha, đất giao thông quy hoạch mới 51,53 ha bao gồm giao thông và các khu vực bãi đỗ xe của đô thị có ký hiệu P-01 đến P-05.

6.2.1.2. Đất ngoài dân dụng: Diện tích 544 ha; cụ thể như sau:

a. Đất cơ quan hành chính sự nghiệp: 12,73 ha. Trên các khu đất có ký hiệu CQ-01 đến CQ-12 bao gồm các cơ quan cấp huyện và vùng không thuộc quản lý của đô thị.

b. Đất công trình dịch vụ công cộng: Tổng diện tích: 69,4 ha. Bao gồm:

- Chợ huyện được bố trí trên khu đất có ký hiệu CH-01; Tổng diện tích chợ: 2,33 ha, mật độ xây dựng 50%, tầng cao từ 3-5 tầng, hệ số sử dụng đất: từ 2,5 lần.

- Công trình dịch vụ thương mại ngoài dân dụng được bố trí trên khu đất có ký hiệu từ DVTM-01 đến DVTM-03, từ DVTM-07 đến DVTM-09, từ DVTM-11 đến DVTM-13, từ DVTM-18 đến DVTM-30; Tổng diện tích: 48,81 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 2-9 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa: 3,6 lần

- Đất dịch vụ công cộng cấp huyện: Tổng diện tích chợ: 12,61 ha bao gồm:

- + Trung tâm văn hóa huyện; ký hiệu TTVH-01; diện tích: 4,81 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 3-5 tầng, hệ số sử dụng đất: từ 2,0 lần.

- + Sân thể thao huyện; ký hiệu TDTT-01, TDTT-01a; diện tích: 2,81 ha, mật độ xây dựng 15%, tầng cao từ 1 tầng, hệ số sử dụng đất: từ 0,15 lần.

- + Đất dịch vụ công cộng khác; ký hiệu CC-03, CC-07; diện tích: 4,99 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 3-5 tầng, hệ số sử dụng đất: từ 2,0 lần.

- Bệnh viện đa khoa huyện: bệnh viện đa khoa hiện nay mở rộng quy mô diện tích: 2,51 ha được cải tạo nâng cấp.

- Đất trường THPT Lương Đắc Bằng (trường THPT cấp huyện) ổn định vị trí hiện nay diện tích 3,14ha.

c. Đất cây xanh: Tổng diện tích cây xanh: 229,07 ha. Bao gồm:

- Đất cây xanh chuyên dụng, cây xanh cách ly, diện tích: 17,24 ha; ký hiệu: từ CXCL-01, CXCL-02 và CX-06; CX-10 đến CX-12, CX-14, CX-17a;

- Đất cây xanh công viên chuyên đề: diện tích: 44,10 ha; ký hiệu: CX-CV01 đến CX-CV03;

- Đất cây xanh cảnh quan ven sông: diện tích: 168,92 ha; ký hiệu: từ CXCQ-01 đến CXCQ-06;

d. Đất tôn giáo, di tích: Diện tích 2,98 ha, gồm: Đền Đồng Cổ, Chùa Hoàng, Đền thờ Quận công Cao Tư, Đình làng Phú Vinh, Đình làng Cự Đà.

e. Đất hỗn hợp (dịch vụ, thương mại, khách sạn, nhà hàng, nhà phố thương mại,...);, cấp vùng; diện tích 58,02 ha được bố trí trên khu đất có ký hiệu HH-01 đến HH-21; mật độ xây dựng 70%, tầng cao từ 2-11 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa: 7,7 lần.

f. Đất giao thông: tổng diện tích 128,12 ha bao gồm:

- Giao thông đô thị tính đến đường liên khu vực: 113,77 ha;

- Giao thông đối ngoại: 14,35 ha;

g. Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối: Tổng diện tích: 43,68 ha. Bao gồm:

- Đất HTKT đầu mối: bố trí 02 trạm xử lý nước thải, tổng diện tích: 14,39ha.

- Hồ nước sạch: bố trí trên các khu đất có ký hiệu HNS-01, HNS-02; Tổng diện tích: 10,13 ha.

- Bãi tập kết rác: Được bố trí tại khu vực Đông Bắc của đô thị (ký hiệu BR-01) diện tích 8,56ha.

- Đất trạm bơm: Được bố trí tại xã Hoàng Vinh, thuộc khu vực Tây Nam của đô thị; diện tích 0,11ha.

- Đất bến xe: Diện tích 3,13 ha, gồm 2 bến xe: bến xe thị trấn là cấp IV và bến xe quy hoạch mới trên trục đường đối ngoại nối từ Quốc lộ 1A đi Hà Nội về phía Bắc; Các bến xe được ký hiệu: BX-01, BX-02:

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Tổng diện tích: 7,36ha. bố trí trên khu đất có ký hiệu NT-01.

6.2.2. Đất khác: Tổng diện tích: 293,94 ha bao gồm:

- Đất nông nghiệp: diện tích 246,09 ha;

- Đất sông, suối, mặt nước: 47,85 ha.

7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Quy hoạch giao thông

Hệ thống giao thông đô thị bao gồm:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại:

* Giao thông đường bộ.

- Quốc lộ 1A: Được quy hoạch với 2 dạng mặt cắt chính, lộ giới tuân thủ các quy hoạch đã được phê duyệt:

+ Mặt cắt 1-1: Lộ giới 91m, Lòng đường $14,5 \times 2 = 29,0\text{m}$; lòng đường gom $10,5 \times 2 = 21,0\text{m}$; Phân cách $12\text{m} + 2 + 12\text{m} = 26,0\text{m}$; Vĩa hè $7,5 + 7,5 = 15,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 1'-1': Lộ giới 94m; Lòng đường $14,5 \times 2 = 29,0\text{m}$; lòng đường gom $10,5 \times 2 = 21,0\text{m}$; Phân cách $12\text{m} + 2\text{m} = 14,0\text{m}$; Phần kênh Nam $15,0\text{m}$; Vĩa hè $7,5 + 7,5 = 15,0\text{m}$.

- Quốc lộ 10:

+ Đoạn từ Quốc lộ 1A đến nút giao trạm bơm Hoàng Vinh, mặt cắt 2-2: Lộ giới 58,5m; Lòng đường chính: $10,5 + 10,5 = 21,0\text{m}$; phân cách giữa 2,0m;; phạm vi bảo vệ kênh Nam: 18,0m; Lòng đường gom: 7,5m; Hè đường: $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$.

+ Đoạn từ nút giao trạm bơm Hoàng Vinh đến nút giao chuyển hướng đi Hậu Lộc, mặt cắt 2' - 2': Lộ giới 33,0m; Lòng đường $10,5 + 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; Phân cách giữa 2,0m; Vĩa hè hai bên: $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$.

- Tỉnh lộ 510B Đi Hải Tiến:

+ Đoạn từ Ngã năm Gòong đi Hoàng Lộc, mặt cắt 8'-8': Lộ giới: 26,5m; Lòng đường: $7,5 \times 2 = 15,0\text{m}$; Phân cách giữa: 1,5m; Vĩa hè 2 bên: $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$.

+ Đoạn từ Ngã năm Gòong đi Hải Tiến (trong địa phận thị trấn Bút Sơn): Lộ giới: 20,5m; Lòng đường: 10,5m; Vĩa hè 2 bên: $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$.

b. Hệ thống giao thông nội bộ:

Hệ thống giao thông nội bộ cơ bản được xây dựng đáp ứng nhu cầu của dân cư và khách tham quan trong khu vực, Hệ thống giao thông nội bộ cơ bản được bố trí hợp lý theo các hướng Đông – Tây, Bắc – Nam ...

Các tuyến đường nội bộ được thiết kế với lòng đường tối thiểu 7,50m; hè rộng tối thiểu 4,0m

+ Mặt cắt 3-3: Lộ giới 56.0m (Lòng đường $7,5\text{m} + 10,5 + 10,5 + 7,5 = 36,0\text{m}$; Phân cách $3,0 + 4,0 + 3,0 = 10,0\text{m}$; Vĩa hè $5,0 + 5,0 = 10,0\text{m}$)

+ Mặt cắt 4-4: Lộ giới 36,0m (Lòng đường $10,5 + 10,5 = 21,0\text{m}$; Phân cách 5,0m; Vĩa hè $5,0 + 5,0 = 10,0\text{m}$)

+ Mặt cắt 5-5: Lộ giới 25,0m (Lòng đường 15,0m; Vĩa hè $5,0 + 5,0 = 10,0\text{m}$)

+ Mặt cắt 6-6: Lộ giới 20,5m (Lòng đường 10,5m; Vía hè $5,0+5,0 = 10,0\text{m}$)

+ Mặt cắt 7-7: Lộ giới 15,5m – 17,5m (Lòng đường 7,5m; Vía hè $2 \times (4,0-5,0) = 8,0-10,0\text{m}$)

+ Mặt cắt 8-8: Lộ giới 19,5m (Lòng đường $6,0\text{m}+6,0 = 12,0\text{m}$; Vía hè $2 \times (3,0\text{m}) = 6,0\text{m}$; Phân cách 1,5m)

+ Mặt cắt 9-9: Lộ giới $14,5\text{m} \times 2 = 29,0\text{m}$. Trong đó: Lòng đường $2 \times 7,5\text{m}$; Vía hè $2 \times (2,0+5,0\text{m}) = 14,0\text{m}$; Phạm vi sông Goòng từ 10 đến 30m tùy vị trí.

+ Mặt cắt 10-10: Lộ giới $13,5\text{m} \times 2 = 27,0\text{m}$. Trong đó: Lòng đường $2 \times (7,5\text{m}) = 15,0\text{m}$; Vía hè $2 \times (1,0+5,0\text{m}) = 12,0\text{m}$; kênh tiêu Đồng Đản: 6,0m.

+ Mặt cắt 11-11: Lộ giới 34,0m. Trong đó: Lòng đường 22,0m; Vía hè $2 \times (6,0\text{m}) = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt 12-12: Lộ giới 27,0m. Trong đó: Lòng đường 15,0m; Vía hè $2 \times (6,0\text{m}) = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt 13-13: Lộ giới 22,0m. Trong đó: Lòng đường 12,0m; Vía hè $2 \times (5,0\text{m}) = 10,0\text{m}$;

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

- Định hướng san nền chung khu vực:

Nguyên tắc: Tôn trọng địa hình tự nhiên, bảo đảm khu vực nghiên cứu quy hoạch không bị ngập lụt. Tôn trọng cao độ khu dân cư hiện có giữ lại.

Độ dốc nền trung bình $i = 0,003 \div 0,005$ tạo độ dốc thuận lợi cho thoát nước mưa.

- Giải pháp san nền cụ thể

- Lựa chọn cao độ nền không chế: Cao độ nền thấp nhất là 3.00m, cao nhất là 4.50m (Cao độ không chế trong khu vực được xác định từ chế độ thủy văn sông Mã, sông Goòng, sông Lạch Trường và mực nước nội đồng).

- Phương án san nền:

+ Khu vực dân cư hiện trạng giữ nguyên cao độ nền hiện có.

+ Các khu vực xây dựng mới chủ yếu là ruộng lúa (có cao độ thấp) nên biện pháp san nền chủ yếu là đắp (cao độ thiết kế phù hợp các tuyến đường giao thông quy hoạch).

- Giữa khu vực xây dựng mới và khu vực hiện trạng sẽ có các biện pháp kỹ thuật phù hợp như: Kè, tường chắn, mái taluy... Xây dựng các tuyến mương, cống thu, đón nước từ khu dân cư hiện trạng, các tuyến thoát nước này sẽ được đầu nối ra hệ thống tiêu thoát mới đảm bảo các khu vực hiện trạng không bị ngập úng.

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa

+ Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải là 2 hệ thống riêng.

+ Hệ thống thu nước mưa sử dụng hệ thống cống thoát đặt dọc theo các tuyến đường giao thông, nước mưa theo hệ thống này được xả ra hồ điều hòa, kênh tiêu Lộc Vinh, kênh tiêu Đồng Đản và sông Goòng, sau đó thoát vào ra hệ thống sông Cung và đổ ra biển.

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thiết kế riêng so với hệ thống thoát nước thải, hệ thống thoát nước mưa thiết kế là mương có nắp đan kết hợp với cống tròn BTCT được đúc sẵn. Trên hệ thống thoát nước có các công trình kỹ thuật như giếng thăm, giếng thu nước mưa... đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

7.3. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: Nguồn nước lấy từ Sông Mã qua kênh Nam về trạm bơm Hoàng Khánh, cấp nước cho nhà máy nước xã Hoàng Vinh.

- Nhu cầu sử dụng nước: $Q_c = 10.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Nhà máy nước: Bố trí Nhà máy nước tại xã Hoàng Vinh. Nguồn nước thô cấp cho nhà máy lấy từ kênh Nam trạm bơm Hoàng Khánh tại thôn 1.

- Mạng lưới tuyến ống chính cấp nước trong khu vực:

+ Một số tuyến ống có đường kính D400, D315, D250... đã được đầu tư xây dựng sẽ được cải dịch cho phù hợp với hệ thống giao thông mới.

+ Dự kiến xây dựng mạng lưới vòng kết hợp mạng cụt nhằm đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác.

+ Ống cấp nước nằm trong vỉa hè của các đoạn đường chính, các tuyến ống cấp nước sẽ được xây dựng ngầm. Đường kính ống phân phối trên các tuyến chính dự kiến D110 - D400.

7.4. Quy hoạch cấp điện

* Nguồn điện, trạm Biến áp: Sử dụng nguồn điện đã có từ trạm 110kV Hoàng Hóa công suất 2x40 MVA, phục vụ cấp điện cho khu vực lập quy hoạch.

* Nhu cầu sử dụng điện: $Q_c = 27,95$ MW.

* Mạng lưới điện cao áp, trung áp

- Từng bước ngầm hóa lưới điện trung áp và hạ áp trong khu vực nội thị để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị, khu vực ngoại thị có thể được đi nổi.

- Các đường 10kV hiện có được nâng cấp thay thế bằng đường dây 22kV.

- Việc tính toán, lựa chọn thiết bị trên lưới trung thế dựa trên cơ sở đảm bảo cung cấp điện cho từng phụ tải trong và sau quy hoạch ít nhất là 20 năm.

* Mạng lưới điện hạ áp, chiếu sáng

- Phát triển lưới điện hạ thế gắn với các tuyến trung thế và trạm biến áp xây mới để cấp điện cho các khu dân cư, để đảm bảo chỉ tiêu đã đạt được là 100% hộ dân được sử dụng điện. Đối với công tác cải tạo lưới hạ thế, từng bước thay thế các đường dây hạ thế đã cũ, dây dẫn có tiết diện quá nhỏ hoặc sử dụng các loại trụ không đúng quy cách.

* Chiếu sáng đô thị:

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế phù hợp với cảnh quan môi trường, cảnh quan kiến trúc, tạo ra được các điểm nhấn. Thiết kế hệ thống điện cho quảng cáo, lễ hội không ảnh hưởng đến mạng lưới chiếu sáng chung của đô thị.

- Các tuyến đường liên khu vực được chiếu sáng bằng đèn cao áp bóng Sodium công suất (150-250)W- 220V hoặc bóng đèn led hiệu suất cao đảm bảo độ rọi và chói lóa theo quy định.

7.5. Định hướng quy hoạch hạ tầng viễn thông

- Tổng nhu cầu dịch vụ viễn thông của thị trấn Bút Sơn là: 14.250 đường dây thuê bao.

- Đầu nối đường cáp quang từ trạm chuyển mạch trung tâm tỉnh Thanh Hóa về khu vực. Tuyến cáp đi ngầm theo tuyến đường 510B đến trung tâm thị trấn Bút Sơn.

- Nâng cấp trạm truy nhập quang; xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông từ trạm trung tâm thị trấn Bút Sơn về trạm truy nhập quang trong khu vực.

- Bố trí lại hệ thống các trạm phát sóng (BTS) hiện có nhằm đảm bảo quy cách và an toàn theo quyết định 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Đầu tư xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động thân thiện với môi trường, dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực.

- Cải tạo chỉnh trang các trạm viễn thông hiện có, kết nối bằng tuyến cáp quang ngầm.

- Từ trạm viễn thông trung tâm kéo các tuyến cáp đến các tủ cáp trong các khu vực đô thị. Từ các tủ cáp đầu nối tới hộp cáp và từ hộp cáp sẽ dẫn đến các thuê bao (thiết bị đầu cuối).

7.6. Quy hoạch thoát nước thải

- Tiêu chuẩn thoát nước lấy bằng 90% tiêu chuẩn cấp nước.

- Khối lượng nước thải đến năm 2030 là: 9.450 m³/ng.đ.

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng biệt.

- Mạng lưới cống được xây dựng bằng bê tông cốt thép với hệ thống giếng thăm đồng bộ.

- Nước thải sinh hoạt khu dân cư, khu công cộng sau khi được xử lý tại chỗ qua bể tự hoại của từng công trình sẽ được dẫn về các trạm xử lý nước thải để làm sạch. Xây dựng 2 khu xử lý nước thải:

- + Trạm xử lý nước thải số 1 có công suất 5.600m³/ng.đêm được bố trí ở khu vực xã Hoàng Minh phía Tây Bắc khu vực lập quy hoạch, xử lý nước thải cho khu vực các xã Hoàng Minh, Hoàng Đức, Hoàng Minh và phía Tây thị trấn Bút Sơn.

- + Trạm xử lý nước thải số 2 có công suất 3.900m³/ng.đêm được bố trí ở khu vực xã Hoàng Phúc phía Đông Bắc khu vực lập quy hoạch, xử lý nước thải cho khu vực xã Hoàng Phúc, và một phần phía Đông thị trấn Bút Sơn.

- Xây dựng các trạm bơm chuyển bậc nước thải (để chuyển nước thải từ đường cống có độ sâu lên cống đặt cao hơn), để dẫn nước thải về trạm xử lý.

7.7. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- * Nghĩa trang: Theo định hướng quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của UBND tỉnh, xây dựng nghĩa trang tập trung tại xã Hoàng Ngọc.

Đối với các khu nghĩa trang nhỏ lẻ hiện nay nằm trong lòng đô thị không đảm bảo khoảng cách ly với khu dân cư, từng bước đóng cửa, khoanh vùng, đảm bảo cây xanh cách ly với khu dân cư theo quy chuẩn; đồng thời di dời những khu nghĩa trang không đảm bảo đến vị trí đề xuất: Bố trí 01 nghĩa trang tại phía Đông Bắc thị trấn (thuộc xã Hoàng Phúc hiện nay), tại lô đất có ký hiệu NT01 như hồ sơ bản vẽ để đảm bảo vệ sinh môi trường và trồng cây xanh cách ly theo quy định.

* Chất thải rắn (CTR) và VSMT:

- Nhu cầu xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực lập quy hoạch là 57,5 Tấn/ngày.đêm

- Rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp: Theo định hướng quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của UBND tỉnh, rác thải được thu gom và vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải tập trung tại xã: Hoàng Đức. Tuy nhiên khi nghiên cứu lập quy hoạch chung mở rộng thị trấn Bút Sơn vị trí tại xã Hoàng Đức nằm vào khu vực trung tâm đô thị, xung quanh là các khu dân dụng, không đảm bảo khoảng cách li tối thiểu, dễ gây ô nhiễm môi trường, vì vậy đề nghị điều chỉnh vị trí về phía Đông Bắc thị trấn tại lô đất có ký hiệu RT01 như hồ sơ bản vẽ để đảm bảo vệ sinh môi trường và trồng cây xanh cách ly theo quy định.

- Rác thải y tế: Theo định hướng quy hoạch vùng, rác thải y tế trong các cơ sở Y tế và trung tâm khám chữa bệnh trên địa bàn huyện được thu gom và vận chuyển xử lý tại bệnh viện đa khoa Hậu Lộc (Quyết định số: 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016). Do đó, rác thải y tế nguy hại được phân loại và thu gom riêng bằng xe chuyên dụng chuyển đến khu xử lý CTR tại bệnh viện đa khoa Hậu Lộc.

8. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường

Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước biển ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

Trong giai đoạn trước mắt cần tập trung đầu tư các hạng mục có tính chất tạo động lực cho sự phát triển của đô thị.

a. Hạ tầng kỹ thuật:

- Đường bộ: Xây dựng mới tuyến đường từ cầu Bút Sơn đi Hoằng Vinh ; Nâng cấp hoàn chỉnh tuyến đường 510 từ QL1A đến ngã tư Goòng, tuyến đường ngã tư Goòng đi Hoằng Lộc;

- Nâng cấp, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước, cấp điện, viễn thông, thoát nước;

- Đầu tư xây dựng các khu xử lý nước thải tập trung; đầu tư xây mới khu nghĩa trang tập trung.

- Cải tạo hệ thống công trình thoát nước mưa và hệ thống sông Goòng khu vực đô thị trung tâm kết hợp thiết kế cảnh quan và môi trường đô thị;

b. Đô thị:

Xúc tiến kêu gọi đầu tư khu đô thị mới tại trung tâm mới của đô thị và các dự án khu dịch vụ thương mại dọc QL1A. Thực hiện các dự án phát triển nhà ở gắn với hệ thống hạ tầng xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật cho từng khu đô thị, đáp ứng việc cải tạo, sắp xếp tái định cư, nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân; Xây dựng, cải tạo và bổ sung các trung tâm chuyên ngành như trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm, trung tâm văn hóa, công viên vui chơi giải trí và thể dục thể thao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030 cho địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật 35/2018/QH14.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng, các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm